**GIÁO VIÊN THIẾT KẾ**

**NGUYỄN THỊ MỴ**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**TOÁN - LỚP 3**

**Bảng nhân 9**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

**-** Bước đầu thuộc bảng nhân 9 và vận dụng được phép nhân 9 trong giải toán, biết đếm thêm 9.

- Củng cố ý nghĩa của phép nhân.

- Rèn kỹ năng giải toán có lời văn.

**2. Năng lực**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Tự suy luận và trả lời được câu hỏi của bài.

- Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày được nội dung toán học, thảo luận để thống nhất kết luận của nhóm, tích cực chia sẻ bài với cô và bạn.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm học, ham học, cẩn thận, nhanh nhẹn, chính xác khi học toáncó tinh thần tự học, chủ động.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính, tivi, máy soi, phiếu bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động- kết nối (3-5’):**  - GV cho HS hát bài: Bảng nhân 8.  - Bài hát này nói về nội dung gì?  - Em hãy đọc bảng nhân 8.  - Hỏi xác suất học sinh một vài phép tính  trong bảng nhân 8.  - Kết nối - Giới thiệu bài.  **2. Hình thành kiến thức mới (20’)**  - Yêu cầu HS lấy: Bộ đồ dùng học toán  - Em hãy lấy 1 tấm thẻ có 9 chấm tròn.  - GV kiểm tra  - 9 chấm tròn được lấy mấy lần?  - 9 được lấy mấy lần?  - GV đưa 1 tấm thẻ có 9 chấm tròn lên MH và nói: Cô cũng 1 tấm thẻ có 9 chấm tròn  lên trên màn hình.  - GV hỏi lại 9 chấm tròn được lấy mấy lần?  - 9 được lấy mấy lần?  - 9 được lấy1 lần, ta có phép tính nhân gì ?  - Viết lên bảng phép nhân: 9 x 1 = 9  - Có 1 tấm thẻ 9 chấm tròn rồi. Em hãy lấy thêm 1 tấm thẻ 9 chấm tròn nữa.  - GV kiểm tra  - GV nhận xét  - GV đưa thêm lên MH 1 tấm thẻ 9 chấm tròn  - 9 chấm tròn được lấy mấy lần?  - 9 được lấy mấy lần?  -GV nói có 9 chấm tròn trên màn hình, cô lấy thêm 9 chấm tròn nữa  - 9 chấm tròn được lấy mấy lần?  -Vậy 9 được lấy 2 lần, ta có phép tính gì?  -Em hãy chuyển phép tính nhân này thành phép tính cộng.  - GV đưa lên màn hình: 9 + 9 = 18 vào sau phép nhân: 9 x 2 để được  9 x 2 = 9 + 9 = 18  - Vậy 9 nhân 2 bằng mấy?  - Viết lên bảng phép nhân:  9 x 2 = 18 .  - Mời HS đọc phép nhân  - Tương tự như cách thực hiện ở trên, các em sử dụng đồ dùng, lập phép tính tiếp theo ra bảng con.  - Kiểm tra bảng con  - Em hãy nhận xét bài làm của bạn?  -Em đã làm thế nào để lập được phép tính 9 x 3?  - GV ghi phép tính : 9 x 3 lên bảng đen  - Thực hiện tương tự phép tính 9 x 2, áp dụng kiến thức đã học, tìm kết quả phép tính 9 x 3.  - Bạn thực hiện như vậy có đúng không?  - Vì sao em làm như vậy?  - Vậy 9 x 3 bằng bao nhiêu?  - GV Ghi bảng: 9 x 3 = 27  - Quan sát 3 phép tính: 9 x 1 = 9  9 x 2 =18  9 x 3 =27  em có nhận xét gì?  - GV Chốt Kiến thức : Trong 3 phép nhân ta vừa lập được thừa số thứ nhất đều là 9, thừa số thứ hai của phép tính nhân liền sau tăng lên 1 lần thì tích của nó tăng lên 9 đơn vị hay kết quả của phép tính liền sau bằng kết quả của phép tính liền trước cộng với 9 đơn vị.  - Đố bạn nào cho cô biết 9 x 4 bằng mấy?  - Vì sao em biết ngay 9 x 4 bằng 36  - Thực hiện tương tự như cách lập các phép tính trên các em thảo luận nhóm đôi, lập các phép tính còn lại vào phiếu bài tập.  - GV theo dõi giúp đỡ HS, chấm bài cho HS.  - Cô thấy các em làm rất đúng, nhanh, cô cùng 1 bạn sẽ hoàn thiện bảng nhân 9.  - GV ghi bảng các phép nhân còn lại để hoàn thiện bảng nhân 9 trên bảng lớp.  \* GV chốt kiến thức : Nhìn vào bảng nhân 9 ta thấy:Thừa số thứ nhất đều là 9, thừa số thứ hai của phép tính liền sau tăng lên 1 lần so với phép tính liền trước thì tích của nó tăng lên 9 đơn vị. Vậy để tìm tích của phép tính liền sau ta lấy tích của phép tính liền trước cộng với 9. Vậy bảng nhân cô cùng các em vừa lập xong gọi là bảng nhân 9.  \* Luyện cho HS đọc thuộc bảng nhân  - GV gọi 1 đọc to bảng nhân 9, cả lớp nhẩm theo để thuộc bảng nhân.  - Hỏi xác suất 1 vài em đọc phép tính trong bảng nhân 9 và nêu cách tìm kết quả phép tính đó  - GV xóa dần 1 thành phần trong phép tính.  \* Khôi phục bảng nhân 9  - GV đặt câu hỏi gợi ý, HS khôi phục bảng nhân  - Em nào xung phong đọc bảng nhân 9?  -Cuối cùng GV xóa kết quả toàn bảng nhân 9 HS  - GV nhận xét chung về phần hình thành kiến thức mới.  **2. Luyện tập (17 phút)**  - **Bài 1**: Phiếu bài tập  - Em hãy đọc yêu cầu bài tập  - Các em hiểu tính nhẩm là gì?  - Đưa màn hình 0 x 9 và 9 x 0  -Em có nhận xét gì về kết quả của 2 phép tính này.  -Vì sao em tìm được kết quả của 2 phép tính đều là 0  - Em áp dụng kiến thức nào để làm bài tập này?  \*Chốt: Để làm tốt bài các em cần áp dụng kiến thức bảng nhân 9, số 0 nhân với 1 số và một số nhân với 0.  **Bài 2:** Bảng con  - Mời 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - Yêu cầu HS làm nháp, chia sẻ bài ở bảng con phần b  - Khi làm bài tập 2, em đã áp dụng kiến thức nào?  - Nhắc lại cách tính giá trị biểu thức?  \* Chốt: Trong biểu thức có phép tính nhân, cộng hoặc trừ, ta thực hiện theo thực hiện theo thứ tự phép nhân trước, cộng hoặc trừ sau. Trong biểu thức chỉ có 2 phép nhân hoặc có phép nhân và chia ở phần a thì ta thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải.  **Bài 3**: Vở  - Mời 1 HS đọc yêu cầu của đề bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Các em đọc kĩ, suy nghĩ và làm bài 3 vào vở.  - GV chấm bài, soi bài làm của HS nên màn hình.  -Em hãy nhận xét bài làm của bạn ?  \*Chốt cách chọn câu trả lời: Bài toán có thể có nhiều câu trả lời, chúng ta sẽ chọn câu trả lời nào ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với phép tính.  - Để giải bài toán có lời văn ta làm như thế nào?  - Chốt: Để làm tốt bài toán có lời văn, em cần chú ý đọc kĩ yêu cầu, xác định bài toán cho biết gì, hỏi gì, chọn phép tính đúng, câu trả lời thích hợp rồi trình bày bài giải đó.  - Khi trình bày bài toán có lời văn có 1 phép tính, ta trình bày theo 4 dòng: Bài giải, câu trả lời, phép tính và đáp số.  **Bài 4**: Nháp  \* Bước1:Tổ chức trò chơi: “Tìm mật ong”:  - GV nêu luật chơi: Các em đếm thêm 9 để tìm ra dãy số dẫn đến hũ mật ong.  - Thời gian chơi là 2 phút, bạn nào làm tốt được cô và các bạn khen, bạn nào đếm sai phải hát bài hát ngắn cho cô và các bạn nghe.  - Em hãy đọc lại dãy số đã điền?  -Tại sao em lại điền số 54 vào ô trống sau số 45?  - Em có nhận xét gì về số từ điểm bắt đầu đến hũ mật ong?  \*GV tổng kết trò chơi  \* Bước 2: Yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài:  - Bài tập yêu cầu gì ?  - Cho HS làm nháp, đọc dãy số đã điền  - Tại sao ô thứ 5 em lại điền số 45?    -Em có thấy dãy số này có gì đặc biệt?  \* Chốt: Đây là kết quả của các phép tính trong bảng nhân 9, và kết quả liền sau bằng kết quả liền trước thêm 9.  **3. Củng cố, dặn dò (2-3’)**  - Hôm nay em học được những kiến thức gì?  - Nhận xét tiết học. | -HS hát kết hợp phụ họa bài: ‘‘Bảng nhân 8.’’  -HS trả lời  -2 HS đọc bảng nhân 8.  - HS nêu  - HS nhận xét  - 2 HS nhắc lại đầu bài  - HS thực hiện  - HS lấy1 tấm thẻ có 9 chấm tròn.  - HS giơ 1 thẻ 9 chấm tròn  - 9 chấm tròn này được lấy 1 lần.  - 9 được lấy 1 lần.  - HS quan sát  - 9 chấm tròn này được lấy 1 lần  - 9 được lấy 1 lần  - 9 x 1 = 9  - HS đọc lại phép nhân: 9 x 1 = 9  -HS thực hiện  -HS giơ 2 tấm thẻ mỗi tấm 9 chấm tròn  -HS nghe  - HS quan sát  - 9 chấm tròn này được lấy 2 lần  -Nhận xét  - 9 được lấy 2 lần  - Nhận xét.  -HS quan sát  - 9 chấm tròn được lấy 2 lần.  - HS nêu 9 được lấy 2 lần, ta có phép 9 x 2  - Nhận xét  - HS thực hiện  -HS quan sát  - Vậy 9 nhân 2 bằng 18.  - HS đọc phép nhân vừa lập  - HS thực hiện  -HS giơ bảng  -HS nhận xét  -HS giải thích 9 chấm tròn được lấy  3lần. Vậy 9 lấy 3 lần nên em lập được phép tính 9 x 3  -HS thực hiện: 9 x 3 = 9 + 9 + 9 = 27  - HS trả lời  - HS nêu em đã chuyển phép nhân  9 x 3 thành phép cộng 9 + 9 + 9  - HS nêu: 9 x 3 = 27  - HS quan sát  - Thừa số thứ nhất đều là 9, thừa số thứ hai của phép tính liền sau tăng lên 1 lần thì tích của Phép tính thứ 2 tăng lên 9 đơn vị.  -HS nghe  - Bằng 36  - Vì phép tính liền trước của phép tính 9 x 3 = 27 nên để tìm kết quả của phép tính 9 x 4 em đã lấy 27 + 9 =36 . Vậy  9 x 4 = 36  - HS làm việc nhóm đôi, lập nốt bảng nhân 9 vào phiếu bài tập  - HS lần lượt đọc các phép nhân còn lại .  - HS đọc cá nhân để thuộc bảng nhân  - HS quan sát.  - HS nghe  -Học thuộc lòng bảng nhân theo hướng dẫn của GV.  - HS đọc to bảng nhân 9  -HS nêu  -HS luyện học thuộc bảng nhân 9.  -HS trả lời  - HS sinh đọc bảng nhân 9  - 1 HS đọc lại  -HS nghe  - 1 HS.  -HS nêu  -HS: phép tính thứ nhất là 0 x 9 còn Pt tứ 2 là 9 x 0 còn kết quả của 2 phép tính đều là 0  -Vì 0 nhân với số nào cũng bằng 0 và số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  - Bảng nhân 9 và số 0 trong phép tính nhân  -HS nghe  -1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS làm bài vào bảng con, chia sẻ.  + Biểu thức này có mấy phép tính?  + Đó là những phép tính nào?  + Biểu thức có phép tính nhân và phép tính nhân và phép tính trừ ta làm phép tính nào trước?  - Biểu thức có phép tính nhân và chia bạn làm thế nào?  - Bảng nhân 9, cách tính giá trị biểu thức.  -HS nghe  - 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Làm bài vào vở  Bài giải  Lớp 3B có số bạn là:  9 x 3 = 27 ( bạn)  Đáp số: 27 bạn  -HS đọc lại bài giải trên MH  -HS nhận xét  - Học sinh chia sẻ:  + 27 bạn là số bạn nào?  + Để tìm được số học sinh lớp 3B bạn đã làm như thế nào? ( 9 x 3 )  + Bạn vận dụng kiến thức nào để làm bài này ?  + Ngoài câu trả lời của tôi, có bạn nào có câu trả lời khác không? Mời bạn đọc to cho cả lớp cùng nghe.  - Nhận xét câu trả lời của bạn và nói : Bận trả lời tốt câu hỏi của tôi, bạn xứng đáng được thưởng 1 tràng pháo tay.  -HS nghe  -HS nêu  -HS nghe  -HS nghe  -HS nghe  - HS chơi trò chơi.  - 1 HS đọc yêu cầu đề bài.  - 2 HS nêu cách tìm  -HS đọc lại dãy số đã điền  -HS giải thích cách làm  -1 HS đọc đề bài  -Là kết quả trong bảng nhân 9.    -HS nghe  -HS đọc bài tập  - HS nêu  - HS làm bài vào vở  - vì số đứng trước sô 45 là sồ 36 nên em lấy 36 đếm thêm 9 hoặc em lấy 36 + 9 là ra 45.  - Các số trong dãy số là kết quả của bảng nhân 9  - HS nghe  - Bảng nhân 9  - 1 HS đọc lại bảng nhân 9  - HS nghe |

**\* Điều chỉnh sau giờ học**

.................................................................................................................................